TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2024/DS-ST;
Ngày: 03/7/2024;
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Ông Nguyễn Văn Quản.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Vi Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Lường Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 912/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 551/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 651/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S.**

Trụ sở: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Bà Trần Thị Quỳnh M – Giám đốc chi nhánh G.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Đoàn Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Nhân viên.

(Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: 140/48/6 V, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 22/01/2022 ông Nguyễn Thanh T1 có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khiển và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback 436438 - 4938 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 350.666.207 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 255.199.000 đồng. Từ ngày 05/9/2022, Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 03/7/2024, ông T1 còn nợ tổng số tiền là 195.517.360 đồng, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 108.569.362 đồng.

Lãi: 86.947.998 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện và nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó đề nghị Tòa án buộc ông T1 phải thanh toán một lần số nợ trên tạm tính tới ngày 03/7/2024 cho Ngân hàng và thanh toán khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 04/7/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Kiến nghị khắc phục về thời hạn xét xử vụ án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn xuất phát từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Căn cứ theo Văn bản trả lời xác minh của Công an phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn hiện không còn cư trú tại địa chỉ 140/48/6 V, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hồ sơ cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Văn T2 do Ngân hàng cung cấp thể hiện ông T2 cư trú

tại địa chỉ 140/48/6 V, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngày 22/01/2022 ông T2 có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ông T2 đã được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-4938 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ vào bảng Tóm tắt sao kê ngày 03/7/2024 của Ngân hàng thì ông T2 còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 03/7/2024 tổng số tiền là 195.517.360 đồng, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 108.569.362 đồng.

Lãi: 86.947.998 đồng.

Từ ngày 05/9/2022 ông T2 vi phạm thỏa thuận, không đóng tiền theo thỏa thuận cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ thành nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng lãi quá hạn).

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tới làm việc để tham gia hòa giải cũng như xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc nêu trên, do đó Tòa án không thể thu thập

được chứng cứ từ phía bị đơn. Như vậy thể hiện việc bị đơn đương nhiên chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, văn bản, kết luận, của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Qua các lần nhắc nợ bằng văn bản ông T2 đã không đến Ngân hàng TMCP S để thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng mà ông T2 và Ngân hàng đã thỏa thuận. Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T2 phải thanh toán hết số nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/7/2024 là 195.517.360 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất áp dụng và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 04/7/2024 cho đến khi trả dứt số nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số ngày 22/01/2022: xét thấy, tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thì thỏa thuận lãi và mức lãi suất giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Thanh T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về dân sự.

Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi nộp đơn khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính tới ngày 03/7/2024 là 195.517.360 (một trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm mười bảy nghìn, bà trăm sáu mươi) đồng.

Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Văn T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.775.868 (chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi tám) đồng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 4.018.295 (bốn triệu, không trăm mười tám nghìn, hai trăm chín mươi lăm) đồng khi nộp đơn khởi kiện theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0031475 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Hương